

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2021
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung

Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Trương V – sinh năm 1997; cư trú tại đội 6, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim N – sinh năm 1993; cư trú tại T, T, S 780-1, M B102, Japan.

Địa chỉ hiện tại: T, I, t 228-2, M, Japan.

(Anh V, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2021 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Trần Trương V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2019 vào ngày 12/8/2019. Sau khi kết hôn, anh và chị N chung sống với nhau tại Nhật Bản. Quá trình chung sống, anh và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, công việc của nhau, thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh và chị N đã ly thân từ tháng 12/2020 đến tháng 4/2021, anh về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại Đơn trình bày ý kiến đề ngày 29/7/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Chị thống nhất với trình bày của anh Trần Trương V về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn, chị và anh V chung sống với nhau tại Nhật Bản. Quá trình chung sống do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh V yêu cầu được ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 68, 469, 473, 474, 475, 476, 477, 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về xác định tư cách người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ và các thủ tục khác.*

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trương V. Anh V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N. Về án phí và chi phí tố tụng khác đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Trương V và chị Nguyễn Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trương V và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2019, nên hôn nhân của anh V và chị N là hợp pháp.

Anh V và chị N đều thừa nhận sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau tại Nhật Bản. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Hiện anh V đã về Việt Nam sinh sống và làm việc từ tháng 4/2021 đến nay. Nay, anh V và chị N đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị N. Chị N đồng ý với yêu cầu của anh V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh V và chị N đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[2.4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 1.380.000 đồng, anh V tự nguyện chịu. Anh V đã nộp và chi phí xong.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trương V được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Trương V và chị Nguyễn Thị Kim N trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Trương V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số AA/2018/0007912 ngày 05/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh Trần Trương V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 1.380.000 đồng (*một triệu, ba trăm tám mươi ngàn*), anh Trần Trương V tự nguyện chịu. Anh Trần Trương V đã nộp và chi phí xong.

Anh Trần Trương V và chị Nguyễn Thị Kim N không có mặt tại phiên tòa, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày và chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan